

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH
HÀ NỘI



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	13 - 27



CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đỗ Văn Huy – Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2016).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Giám đốc



Đỗ Văn Huy

Ngày 19 tháng 3 năm 2019

Số: 2.0188/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội (sau đây gọi là “Công ty”), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2019, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Gác 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		13.779.420.745	12.301.382.458
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.993.941.175	7.332.157.875
1. Tiền	111		4.866.262.063	2.710.219.961
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.127.679.112	4.621.937.914
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.852.523.382	3.457.344.319
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	4.189.994.696	3.165.530.329
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		60.000.000	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	602.528.686	291.813.990
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		724.804.460	957.092.940
1. Hàng tồn kho	141	V.4	724.804.460	957.092.940
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		208.151.728	554.787.324
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	208.151.728	507.437.931
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	47.349.393
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

T. NHH
VỚI

M.S.C.A.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39.188.650.066	40.384.126.842
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		31.627.457.589	32.312.878.425
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	31.627.457.589	32.312.878.425
<i>Nguyên giá</i>	222		68.923.723.306	61.037.269.124
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(37.296.265.717)	(28.724.390.699)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	700.000.000	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		700.000.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.861.192.477	8.071.248.417
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V5.b	6.861.192.477	8.071.248.417
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		52.968.070.811	52.685.509.300

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		33.382.471.845	33.854.411.293
I. Nợ ngắn hạn	310		22.593.237.795	22.749.317.236
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	8.602.130.598	8.984.040.926
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	343.998.561	97.540.873
4. Phải trả người lao động	314		3.393.482.944	3.712.182.179
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	1.604.698.338	2.762.735.553
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.11	110.649.327	95.691.248
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	3.210.371.726	1.832.761.201
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	5.226.960.004	5.200.240.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	100.946.297	64.125.256
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		10.789.234.050	11.105.094.057
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	6.359.734.057	5.996.134.057
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	4.429.499.993	5.108.960.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Gác 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		19.585.598.966	18.831.098.007
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	19.585.598.966	18.831.098.007
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		16.394.600.000	16.394.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		16.394.600.000	16.394.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		678.645.897	678.645.897
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.512.353.069	1.757.852.110
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.665.431.069	1.757.852.110
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		846.922.000	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		52.968.070.811	52.685.509.300

Lập, ngày 19 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Lại Tuyết Kim

Kế toán trưởng

Phạm Thị Anh Thơ

Giám đốc



Đỗ Văn Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	88.560.507.914	62.161.160.608
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	115.800.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		88.444.707.914	62.161.160.608
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	83.008.132.164	57.183.130.923
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.436.575.750	4.978.029.685
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	131.318.260	135.318.213
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1.117.906.005	1.233.142.253
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.117.906.005	1.233.142.253
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.009.550.806	3.859.300.909
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		440.437.199	20.904.736
11. Thu nhập khác	31	VI.7	639.571.627	769.397.473
12. Chi phí khác	32	VI.8	5.751.326	14.841.083
13. Lợi nhuận khác	40		633.820.301	754.556.390
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.074.257.500	775.461.126
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.9	227.335.500	166.208.517
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		846.922.000	609.252.609
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	517	315
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		517	315

Lập, ngày 19 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lại Tuyết Kim

Phạm Thị Anh Thơ



CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.074.257.500	775.461.126
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.6	9.928.030.169	8.760.097.128
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(353.084.787)	(875.201.728)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	1.117.906.005	1.233.142.253
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		11.767.108.887	9.893.498.779
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.347.829.670)	(347.287.444)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		232.288.480	(569.195.779)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.211.392.380	2.609.039.701
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.509.342.143	308.102.446
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.329.647.921)	(1.238.276.647)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(83.006.450)	(117.873.537)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(55.600.000)	(22.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.904.047.849	10.516.007.519
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(10.074.070.000)	(8.795.782.728)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		484.545.454	2.394.290.146
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	100.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	127.240.723
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.589.524.546)	(4.674.251.859)

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V13b	5.350.000.000	2.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V13	(6.002.740.003)	(6.050.640.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(652.740.003)	(4.050.640.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		661.783.300	1.791.115.660
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	7.332.157.875	5.541.042.215
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	7.993.941.175	7.332.157.875

Người lập biểu

Lại Tuyết Kim

Kế toán trưởng

Phạm Thị Anh Thơ

Lập, ngày 19 tháng 3 năm 2019

Giám đốc



Đỗ Văn Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Gác 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Đầu tư xây dựng bến xe ô tô khách; Cung ứng, vận chuyển và đại lý vận chuyển hàng hóa; Vận tải hành khách liên tỉnh và du lịch, taxi tải và taxi chở khách.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 282 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 260 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa tài sản cố định và phí sử dụng đường bộ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (09 năm).

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

Phí sử dụng đường bộ

Phí sử dụng đường bộ là khoản phí Công ty phải nộp cho các phương tiện giao thông của Công ty, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian hiệu lực của phí sử dụng đường bộ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 15
Máy móc và thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	946.166.914	435.194.082
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.920.095.149	2.275.025.879
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	3.127.679.112	4.621.937.914
Cộng	7.993.941.175	7.332.157.875

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>4.189.994.696</i>	<i>3.165.530.329</i>
Trung tâm Quản lý và Điều hành Giao thông Đô thị	3.371.764.696	2.759.394.829
Sở Giao thông Vận tải tỉnh Bắc Ninh	556.000.000	
Các khách hàng khác	262.230.000	406.135.500
Cộng	4.189.994.696	3.165.530.329

3. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>602.528.686</i>		<i>291.813.990</i>	
Ký cược, ký quỹ	31.148.600			
Tạm ứng	553.000.000		265.000.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	18.380.086		26.813.990	
Cộng	602.528.686		291.813.990	

4. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	713.470.388	-	953.901.087	-
Công cụ, dụng cụ	11.334.072	-	3.191.853	-
Cộng	724.804.460	-	957.092.940	-

5. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

5a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí đường bộ	66.346.636	50.019.469
Chi phí lắp đặt GPS	24.365.000	82.682.250
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	117.440.092	374.736.212
Cộng	208.151.728	507.437.931

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất trả trước	6.702.775.426	7.619.012.146
Chi phí sửa chữa	133.629.051	288.511.998
Phí sử dụng đường bộ	24.788.000	1.396.000
Chi phí sửa chữa văn phòng		162.328.273
Cộng	6.861.192.477	8.071.248.417

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	5.440.439.841	31.000.000	55.513.448.383	52.380.900	61.037.269.124
Mua trong năm			9.374.070.000		9.374.070.000
Thanh lý, nhượng bán			(1.487.615.818)		(1.487.615.818)
Số cuối năm	5.440.439.841	31.000.000	63.399.902.565	52.380.900	68.923.723.306
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.904.248.913	31.000.000	3.388.634.384	52.380.900	5.376.264.197
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	3.099.950.868	31.000.000	25.541.058.931	52.380.900	28.724.390.699
Khấu hao trong năm	269.030.836		9.658.999.333		9.928.030.169
Thanh lý, nhượng bán			(1.356.155.151)		(1.356.155.151)
Số cuối năm	3.368.981.704	31.000.000	33.843.903.113	52.380.900	37.296.265.717
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	2.340.488.973		29.972.389.452		32.312.878.425
Số cuối năm	2.071.458.137		29.555.999.452		31.627.457.589
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 23.237.472.939 VNĐ đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – chi nhánh Lý Thường Kiệt, Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Giảng Võ và Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Hội sở chính.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định		10.074.070.000	(9.374.070.000)	700.000.000
Cộng		10.074.070.000	(9.374.070.000)	700.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	7.459.672.240	6.148.851.310
Công ty Xăng dầu Chất đốt Hà Nội	7.459.672.240	6.148.851.310
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	1.142.458.358	2.835.189.616
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	140.059.154	454.760.050
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Việt Hàn	18.518.500	707.212.000
Các nhà cung cấp khác	983.880.704	1.673.217.566
Cộng	8.602.130.598	8.984.040.926

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa		1.257.567.883	(1.165.231.428)	92.336.455
Thuế thu nhập doanh nghiệp	83.006.450	227.335.500	(83.006.450)	227.335.500
Thuế thu nhập cá nhân	6.771.008	52.491.913	(42.699.730)	16.563.191
Tiền thuê đất	7.763.415	986.555.665	(986.555.665)	7.763.415
Các loại thuế khác		3.000.000	(3.000.000)	
Cộng	97.540.873	2.526.950.961	(2.280.493.273)	343.998.561

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động xe buýt Không chịu thuế
- Các hoạt động khác 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.074.257.500	775.461.126
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	62.420.000	55.581.459
- Các khoản điều chỉnh tăng		
Thù lao, thưởng thành viên HĐQT không tham gia điều hành	62.000.000	33.000.000
Chi phí không hợp lệ	420.000	22.581.459
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập tính thuế	1.136.677.500	831.042.585
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	227.335.500	166.208.517

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

10. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.604.698.338	2.762.735.553
Chi phí lãi vay phải trả	1.296.861.116	2.508.603.032
Trích trước chi phí sắm lớp ắc quy	151.972.222	91.107.566
Chi phí phải trả khác	155.865.000	163.024.955
Cộng	1.604.698.338	2.762.735.553

11. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu chưa thực hiện về cho thuê biển quảng cáo.

12. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

12a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	3.210.371.726	1.832.761.201
Kinh phí công đoàn	113.607.363	113.856.896
Phải trả về góp vốn đầu tư xe (*)	1.525.185.146	703.867.671
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội – Cổ tức, lợi nhuận phải trả	963.477.155	963.477.155
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	31.098.166	31.098.166
Các khoản phải trả, phải nộp khác	577.003.896	20.461.313
Cộng	3.210.371.726	1.832.761.201

(*) Công ty ký hợp đồng với một số cán bộ công nhân viên trong công ty về việc góp vốn hợp tác kinh doanh: Công ty và nhân viên cùng góp vốn để mua xe bus và giao cho nhân viên đó khai thác. Nhân viên sẽ được phân chia lợi nhuận theo hiệu quả của xe. Số tiền góp vốn ban đầu sẽ được trả lại cho nhân viên tương ứng với thời gian khấu hao của xe.

12b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	6.359.734.057	5.996.134.057
Tiền đặt cọc của lái xe	2.061.301.000	1.697.701.000
Tiền ứng trước liên quan đến hợp tác thành lập công ty (**)	4.298.433.057	4.298.433.057
Cộng	6.359.734.057	5.996.134.057

(**) Là khoản tiền hỗ trợ thanh toán chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và các chi phí triển khai dự án theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 15A/CPXK-TAXICP-HANOITAXI ngày 05 tháng 3 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Vay ngắn hạn/dài hạn

13a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.14b)</i>	<i>5.226.960.004</i>	<i>5.200.240.000</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Giảng Võ	3.809.200.000	3.809.200.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - chi nhánh Lý Thường Kiệt	347.760.000	1.391.040.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Hội sở chính	1.070.000.004	
Cộng	5.226.960.004	5.200.240.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	5.200.240.000
Kết chuyển từ vay dài hạn	5.226.960.004
Số tiền vay đã trả trong năm	(5.200.240.000)
Số cuối năm	5.226.960.004

13b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Giảng Võ ⁽ⁱ⁾	952.000.000	4.761.200.000
Vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - chi nhánh Lý Thường Kiệt ⁽ⁱⁱ⁾		347.760.000
Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Hội sở chính ⁽ⁱⁱⁱ⁾	3.477.499.993	
Cộng	4.429.499.993	5.108.960.000

- (i) 02 khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Giảng Võ theo hợp đồng tín dụng để thanh toán tiền mua 13 xe bus với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là 13 xe bus.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Lý Thường Kiệt theo hợp đồng tín dụng để thanh toán tiền mua 9 xe bus với lãi suất là 10,5% khi giải ngân, điều chỉnh 3 tháng 1 lần, thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là 9 xe bus nhãn hiệu BAHAI 60 chỗ.
- (iii) 02 khoản vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Hội sở chính theo hợp đồng tín dụng để thanh toán tiền mua xe ô tô phục vụ mục đích kinh doanh vận tải, lãi suất được quy định tại từng văn bản nhận nợ của Khách hàng, thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng 05 xe ô tô nhãn hiệu Samco 42 chỗ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng nợ</u>
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	5.226.960.004	4.429.499.993		9.656.459.997
Cộng	5.226.960.004	4.429.499.993		9.656.459.997
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	5.200.240.000	5.108.960.000		10.309.200.000
Cộng	5.200.240.000	5.108.960.000		10.309.200.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	5.108.960.000	8.558.800.000
Số tiền vay phát sinh	5.350.000.000	2.000.000.000
Số tiền vay đã trả	(802.500.003)	(249.600.000)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(5.226.960.004)	(5.200.240.000)
Số cuối năm	4.429.499.993	5.108.960.000

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	64.125.256	29.607.647
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	92.421.041	56.517.609
Chi quỹ	(55.600.000)	(22.000.000)
Số cuối năm	100.946.297	64.125.256

15. Vốn chủ sở hữu

15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	16.394.600.000	678.645.897	1.205.117.110	18.278.363.007
Lợi nhuận trong năm trước			609.252.609	609.252.609
Trích lập quỹ khen thưởng			(56.517.609)	(56.517.609)
Số cuối năm trước	16.394.600.000	678.645.897	1.757.852.110	18.831.098.007
Số dư đầu năm nay	16.394.600.000	678.645.897	1.757.852.110	18.831.098.007
Lợi nhuận trong năm			846.922.000	846.922.000
Trích lập quỹ khen thưởng			(92.421.041)	(92.421.041)
Số cuối năm nay	16.394.600.000	678.645.897	2.512.353.069	19.585.598.966

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.639.460	1.639.460
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.639.460	1.639.460
- Cổ phiếu phổ thông	1.639.460	1.639.460
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.639.460	1.639.460
- Cổ phiếu phổ thông	1.639.460	1.639.460
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

15c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 18/NQ- CPXK-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 04 năm 2018 như sau:

- Trích lập quỹ khen thưởng : VND 92.421.041

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu kinh doanh dịch vụ vận tải liên tỉnh	19.020.361.539	16.771.467.426
Doanh thu Bus	65.639.986.867	42.009.422.324
Doanh thu kinh doanh dịch vụ điểm đỗ	3.900.159.508	3.380.270.858
Cộng	<u>88.560.507.914</u>	<u>62.161.160.608</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản giảm giá hàng bán.

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn kinh doanh dịch vụ vận tải liên tỉnh	17.265.612.243	15.472.807.108
Giá vốn Bus	62.527.974.063	38.459.831.326
Giá vốn kinh doanh dịch vụ điểm đỗ	3.214.545.858	3.250.492.489
Cộng	<u>83.008.132.164</u>	<u>57.183.130.923</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	125.046.627	127.240.723
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	6.271.633	8.077.490
Cộng	131.318.260	135.318.213

5. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.068.797.060	1.964.634.317
Chi phí đồ dùng văn phòng	241.602.664	253.830.961
Chi phí khấu hao tài sản cố định	193.084.428	113.551.512
Thuế, phí và lệ phí	64.783.440	81.367.352
Chi phí dịch vụ mua ngoài	263.919.127	411.256.381
Chi phí bằng tiền khác	1.177.364.087	1.034.660.386
Cộng	4.009.550.806	3.859.300.909

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	353.084.787	747.961.005
- Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	484.545.454	2.394.290.146
- Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	(131.460.667)	(1.646.329.141)
Thanh lý vật tư phụ tùng	10.434.545	4.903.636
Thu nhập khác	276.052.295	16.532.832
Cộng	639.571.627	769.397.473

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	-	3.933.812
Chi phí khác	5.751.326	10.907.271
Cộng	5.751.326	14.841.083

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	846.922.000	609.252.609
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		(92.421.041)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		(92.421.041)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu	846.922.000	516.831.568
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	1.639.460	1.639.460
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	517	315

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Gác 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	1.639.460	1.639.460
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ bán ra		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.639.460	1.639.460

9b. Thông tin khác

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 376 VND xuống còn 315 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.599.292.377	17.954.988.638
Chi phí nhân công	26.407.768.179	21.939.013.038
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.928.030.169	8.760.097.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.252.739.470	8.658.506.354
Chi phí khác	6.835.139.557	3.725.879.004
Cộng	87.022.969.752	61.038.484.162

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương và phụ cấp	724.901.800	650.398.600
Cộng	724.901.800	435.192.000



CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Parus	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Bình Minh	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hồng Bàng	Cổ đông lớn

Các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội	Năm nay	Năm trước
Mua nhiên liệu	22.273.048.720	11.387.919.526

2. Số liệu so sánh

2a. Các sai sót

Trong năm 2018, Cơ quan thuế tiến hành quyết toán thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Để phục vụ cho công tác quyết toán thuế, Công ty đã tiến hành rà soát và loại trừ các chi phí không hợp lệ, tính lại thuế và thực hiện điều chỉnh lại số liệu năm 2017. Kết thúc đợt quyết toán, Công ty đã hạch toán bổ sung các khoản truy thu thuế theo quyết định của Cơ quan thuế.

2b. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài như sau:

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	49.197.063	(1.847.670)	47.349.393
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	92.500.877	5.039.996	97.540.873
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1.764.739.776	(6.887.666)	1.757.852.110
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	3.855.353.239	3.947.670	3.859.300.909
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	163.268.521	2.939.996	166.208.517
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	616.140.275	(6.887.666)	609.252.609

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Lại Tuyết Kim

Kế toán trưởng

Phạm Thị Anh Thơ

Giám đốc



Đỗ Văn Huy